

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 436 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy do bác sĩ Phạm Minh Tuấn chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Y tế quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5537/QĐ-SYT ngày 08/8/2017 của Sở Y tế về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế; Quyết định số 737/QĐ-SYT ngày 25/02/2022 của Sở Y tế về việc kiện toàn Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế; Quyết định số 6091/QĐ-SYT ngày 09/11/2022 của Sở Y tế về bổ sung thành viên Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh;





Theo đề nghị của Giám đốc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại hồ sơ số 1312200143 về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy do bác sĩ Phạm Minh Tuấn chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Hội đồng chuyên môn Sơ Y tế tại Biên bản ngày 17/01/2023, đối với phòng khám Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy do bác sĩ Phạm Minh Tuấn chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y, Sơ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT thực hiện tại Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy do bác sĩ Phạm Minh Tuấn chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật tại địa chỉ số 615A Trần Hưng Đạo, Phường 01, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm danh mục kỹ thuật).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phân đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Giám đốc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy và Bác sĩ Phạm Minh Tuấn chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức có liên quan, Giám đốc Công ty Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy và Bác sĩ Phạm Minh Tuấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Phòng Y tế Quận 5 (để biết);
- Công TTĐT Sở Y tế (để đăng tin);
- Lưu: VT, NVY (NHD).



Nguyễn Văn Vĩnh Châu

**BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỦ ĐIỀU
KIỆN THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA THUỘC CÔNG TY TNHH KHÁM
CHỮA BỆNH NANCY DO BÁC SĨ PHẠM MINH TUẤN CHỊU TRÁCH NHIỆM
CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT**

(Kèm theo Quyết định số 120/QĐ-SYT ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Giám đốc Sở Y tế)

STT	TT 21/20 17	TT 43/20 13	DANH MỤC KỸ THUẬT	DANH MỤC KỸ THUẬT			
1		2	3	4			
				A	B	C	D
			NỘI KHOA				
			N. Dự ứng - Miễn dịch lâm sàng				
1.	573		Định lượng IgE đặc hiệu với dị nguyên thức ăn (Đối với 1 dị nguyên) <i>hồ hợp</i>	x	x		
2.	574		Định lượng IgE đặc hiệu chẩn đoán dị ứng thuốc (Đối với 1 loại thuốc) <i>nguyên thuốc ăn</i>	x	x		
			NHI KHOA				
			VIII. BÔNG				
3.		1510	Thay băng điều trị bông nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em.	x	x	x	
			XI. TAI - MŨI - HỌNG				
4.		2125	Lấy dầy tai (nút biểu bì)	x	x	x	x
			XV. NGOẠI				
5.		3827	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	x	x	x	x
6.		3877	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x	x	x
			XXIV NỘI KHOA				
7.	4193		Đo độ bão hòa oxy máu qua da	x	x	x	x
8.	4214		Hướng dẫn sử dụng bình xịt định liều	x	x	x	x
			XXVIII. NGOẠI KHOA				
9.	4246		Tháo bột các loại				
			XIX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
10.		13	Nội soi tai mũi họng	x	x	x	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1070 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy do bác sĩ Phạm Minh Tuấn chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Y tế quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 1 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế Thành phố;

Căn cứ Quyết định 5537/QĐ-SYT ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Sở Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật của Sở Y tế và Quyết định số 737/QĐ-SYT ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Sở Y tế về việc kiện toàn Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại hồ sơ số 722200060 về việc cấp Giấy phép hoạt động và phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy do bác sĩ Phạm Minh Tuấn chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;



Theo đề nghị của Phòng Quản lý dịch vụ Y tế tại văn bản chấp thuận thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy do bác sĩ Phạm Minh Tuấn chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT thực hiện tại Phòng khám đa khoa thuộc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy do bác sĩ Phạm Minh Tuấn chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật tại địa chỉ số 615A Trần Hưng Đạo, Phường 01, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm danh mục kỹ thuật).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phân đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Giám đốc Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy và Bác sĩ Phạm Minh Tuấn chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 449/QĐ-SYT ngày 12/4/2022, đồng thời có hiệu lực kể từ ngày ký.

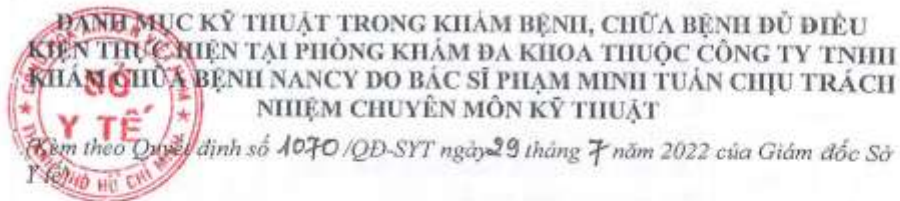
Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức có liên quan, Giám đốc Công ty Công ty TNHH Khám chữa bệnh Nancy và Bác sĩ Phạm Minh Tuấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Phòng Y tế Quận 5 (để biết);
- Công TTĐT Sở Y tế (để đăng tin);
- Lưu: VT, NVY (NHP).



Nguyễn Văn Vĩnh Châu



L HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	DANH MỤC KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		A. TUẦN HOÀN				
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
3	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
4	5	Lâm test phục hồi máu mao mạch	x	x	x	x
5	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x
6	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
7	28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x
8	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x	x	x	x
		B. HỒ HẤP				
9	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	x
10	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
11	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
12	59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
13	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
14	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
15	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
16	72	Mở khí quản qua màng nhĩ nhân giáp	x	x	x	
17	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x
18	144	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	x	x	x	
19	157	Cố định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn	x	x	x	x
20	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
		C. THẬN - LỢC MÁU				
21	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	x

		D. TIÊU HÓA				
22	221	Thụt tháo	x	x	x	x
23	223	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
		E. TOÀN THÂN				
24	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x
25	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
26	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x
27	269	Băng ép bất động sơ cứu rạn cần	x	x	x	x
28	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
29	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x
30	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
31	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
		G. XÉT NGHIỆM				
32	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	x

III. NHỊP KHOA

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	DANH MỤC KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
33	51	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
34	77	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
35	104	Mở màng giáp nhân cấp cứu	x	x	x	x
36	105	Thổi ngạt	x	x	x	x
37	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
38	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	x	x	x	x
		C. THẬN – LỢC MÁU				
39	133	Thông tiểu	x	x	x	x
		E. TOÀN THÂN				
40	201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
41	202	Băng bó vết thương	x	x	x	x
42	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)	x	x	x	x
43	204	Vận chuyển người bệnh an toàn	x	x	x	x
44	210	Tiêm truyền thuốc (Chỉ thực hiện trong cấp cứu ban đầu chống sốc)	x	x	x	x
		VIII. BÔNG				
		A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP				

		CỨU, ĐIỀU TRỊ BÓNG				
45	1515	Ngâm rửa vết bỏng bằng nước mát sạch, băng ép, trong sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng kỳ đầu	x	x	x	x
		X. RĂNG HÀM MẶT				
		A. RĂNG				
46	1914	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	x	x	x	
47	1915	Nhổ chân răng vĩnh viễn	x	x	x	
48	1916	Nhổ răng thừa	x	x	x	
49	1917	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
50	1918	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	x	x	x	
51	1922	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	
52	1923	Tẩy trắng răng tùy sởng bằng máng thuốc	x	x	x	
53	1924	Điều trị nhạy cảm ngà răng bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x	
54	1928	Điều trị viêm quanh răng	x	x	x	
55	1929	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	x	x	x	
56	1930	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	
57	1931	Phục hồi cổ răng bằng Composite	x	x	x	
58	1936	Tháo chụp răng giả	x	x	x	
59	1938	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement (GIC) quang trùng hợp	x	x	x	
60	1939	Trám bít hố rãnh với Composite hoá trùng hợp	x	x	x	
61	1940	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	x	x	x	
62	1941	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt	x	x	x	
63	1942	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	x	x	x	
64	1943	Lấy tủy buồng răng sữa	x	x	x	
65	1944	Điều trị tủy răng sữa	x	x	x	
66	1945	Điều trị đóng cuống răng bằng Ca(OH) ₂	x	x	x	
67	1948	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn	x	x	x	
68	1949	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	x	x	x	
69	1953	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
70	1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	x	x	x	x
71	1955	Nhổ răng sữa	x	x	x	x
72	1956	Nhổ chân răng sữa	x	x	x	x
73	1958	Chích Apxe lợi trẻ em	x	x	x	x
74	1959	Điều trị viêm lợi trẻ em	x	x	x	x

75	1960	Chích áp xe lợi	x	x	x	x
76	1967	Điều trị nhay cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x
77	1968	Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa thường	x	x	x	x
78	1969	Hàm giả tháo lắp toàn bộ nhựa thường	x	x	x	x
79	1974	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)	x	x	x	x
		XI. TAI MŨI HỌNG				
		A. TAI				
80	2115	Khâu vành tai rách sau chấn thương	x	x	x	
81	2117	Lấy dị vật tai	x	x	x	
82	2118	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	x	x	x	
83	2119	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	
84	2120	Làm thuốc tai	x	x	x	
		B. MŨI XOANG				
85	2148	Nắn sống mũi sau chấn thương	x	x	x	
86	2149	Nhét bắc mũi sau	x	x	x	
87	2150	Nhét bắc mũi trước	x	x	x	
88	2154	Làm Proetz	x	x	x	
89	2155	Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)	x	x	x	x
		C. HỌNG – THANH QUẢN				
90	2174	Phẫu thuật cắt phanh môi, má, lưỡi	x	x	x	
91	2181	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x	
92	2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	x	x	x	
93	2190	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x
94	2191	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
		D. CỔ - MẶT				
95	2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	x	x	x	
		XIII. NỘI KHOA				
		II. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
96	2387	Tiêm trong da	x	x	x	x
97	2388	Tiêm dưới da	x	x	x	x
98	2389	Tiêm bắp thịt	x	x	x	x
99	2390	Tiêm tĩnh mạch (Chỉ thực hiện trong cấp cứu ban đầu chống sốc)	x	x	x	x
100	2391	Truyền tĩnh mạch (Chỉ thực hiện trong cấp cứu ban đầu chống sốc)	x	x	x	x
		XIX. NGOẠI KHOA				
		E. CHẤN THƯƠNG – CHẤN HẠI				
		9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)				
101	3826	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	x	x	x	x
		II. Các kỹ thuật khác				
102	3909	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	x
103	3910	Chích hạch viêm mủ	x	x	x	x

104	3911	Thay băng, cắt chỉ	x	x	x	x
-----	------	--------------------	---	---	---	---

XV. TAI - MŨI - HỌNG

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	DANH MỤC KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		B. MŨI - XOANG				
105	131	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
106	132	Bé cuốn mũi	x	x	x	
107	143	Lấy dị vật mũi gây tê	x	x	x	
108	✓ 144	Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	x
109	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	x
		D. ĐẦU CỎ				
110	302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	x	x	x
111	303	Thay băng vết mổ	x	x	x	x
112	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ				

XVI. RĂNG - HÀM - MẶT

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	DANH MỤC KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		A. RĂNG				
113	105	Chụp kim loại	x	x	x	
114	107	Chụp hợp kim thường cần sứ	x	x	x	
115	108	Chụp hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x	
116	109	Chụp sứ toàn phần	x	x	x	
117	110	Chụp kim loại quý cần sứ	x	x	x	
118	113	Cầu hợp kim thường	x	x	x	
119	115	Cầu kim loại cần sứ	x	x	x	
120	116	Cầu hợp kim Titanium cần sứ	x	x	x	
121	117	Cầu kim loại quý cần sứ	x	x	x	
122	118	Cầu sứ toàn phần	x	x	x	
123	131	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo	x	x	x	
124	132	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo	x	x	x	
125	133	Hàm khung kim loại	x	x	x	
126	136	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng	x	x	x	x
127	137	Tháo cầu răng giả	x	x	x	
128	139	Sửa hàm giả gãy	x	x	x	x
129	140	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x



130	141	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
131	142	Đệm hàm nhựa thường	x	x	x	x
132	213	Cắt lợi xơ cho răng mọc	x	x	x	
133	221	Điều trị viêm quanh thân răng cấp	x	x	x	

XVIII. ĐIỆN QUANG

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	DANH MỤC KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
134	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
135	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
		3. Siêu âm ổ bụng				
136	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
137	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
138	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x
139	72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x
140	73	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x
141	77	Chụp Xquang Chausse III	x	x	x	
142	78	Chụp Xquang Schuller	x	x	x	
143	79	Chụp Xquang Stenvers	x	x	x	
144	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x	
145	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x
146	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéo hai bên	x	x	x	
147	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x	
148	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
149	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
150	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x
151	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéo hai bên	x	x	x	x

152	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x
153	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gấp uốn	x	x	x	
154	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	x	x	
155	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x	
156	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên	x	x	x	
157	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x
158	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo	x	x	x	x
159	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x
160	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo	x	x	x	
161	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x
162	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
163	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
164	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x
165	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
166	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
167	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
168	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x
169	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
170	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x
171	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
172	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
173	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x
174	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
175	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
176	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x
177	119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x

178	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	x
179	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x	
180	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x	x	x	
181	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x
182	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	x
183	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x

XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	DANH MỤC KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		A. TIM, MẠCH				
184	13	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
185	14	Điện tim thường	x	x	x	x

XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	DANH MỤC KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		I. XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU				
186	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	x
187	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	x	x	x	x
188	22	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
		III. TẾ BÀO HỌC				
189	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
190	124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
191	138	Tim ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
192	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
193	149	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
194	160	Thế tích khối hồng cầu (hematocrit) bằng máy ly tâm	x	x	x	x
195	163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				

196	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phản đáp)	x	x	x	
197	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phản đáp)	x	x	x	

XXIV. VI SINH

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT	DANH MỤC KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
		A. VI KHUẨN				
		1. Vi khuẩn chung				
198	1	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	x
199	2	Vi khuẩn test nhanh	x	x	x	x
		6. Các vi khuẩn khác				
200	60	Chlamydia test nhanh	x	x	x	x
201	73	Helicobacter pylori Ag test nhanh	x	x	x	x
202	74	Helicobacter pylori Ab test nhanh	x	x	x	x
203	80	Leptospira test nhanh	x	x	x	x
204	85	Mycoplasma hominis test nhanh	x	x	x	x
205	98	Treponema pallidum test nhanh	x	x	x	
206	103	Ureaplasma urealyticum test nhanh				
		B. VIRUS				
		1. Virus chung				
207	108	Virus test nhanh	x	x	x	x
		2. Hepatitis virus				
208	117	HBsAg test nhanh	x	x	x	x
209	122	HBsAb test nhanh	x	x	x	x
210	127	HBcAb test nhanh	x	x	x	x
211	130	HBeAg test nhanh	x	x	x	x
212	133	HBeAb test nhanh	x	x	x	x
213	144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x
214	155	HAV Ab test nhanh	x	x	x	x
215	163	HEV Ab test nhanh	x	x	x	x
216	164	HEV IgM test nhanh	x	x	x	x
		4. Dengue virus				
217	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x	x	x
218	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
219	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
		6. Enterovirus				
220	225	EV71 IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
		7. Các virus khác				



221	243	Influenza virus A, B test nhanh	x	x	x	x
222	249	Rotavirus test nhanh	x	x	x	x
223	254	Rubella virus Ab test nhanh	x	x	x	x
C. KÝ SINH TRÙNG						
1. Ký sinh trùng trong phân						
224	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x	x	x	x
225	264	Hồng cầu trong phân test nhanh	x	x	x	x
226	267	Trùng giun, sán soi tươi	x	x	x	x
2. Ký sinh trùng trong máu						
227	289	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	x	x	x	x
228	291	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	x	x	x	x
3. Ký sinh trùng ngoài da						
229	309	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) soi tươi	x	x	x	x
230	310	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) nhuộm soi	x	x	x	
D. VI NẤM						
231	319	Vi nấm soi tươi	x	x	x	x
232	320	Vi nấm test nhanh	x	x	x	x
233	321	Vi nấm nhuộm soi	x	x	x	